

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 3 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Thuế - MH1104040

Mã lớp học phần: 25311MH110404001

Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Trần Văn Long

Ngày thi: 22/07/2026

Giờ thi: 15h15

Phòng thi: A1.12

Giám thị 1: Lương Nguyễn Hoài Linh

Ký tên:

Giám thị 2: Nguyễn Thị Ánh Ri

Ký tên:

Giám thị 3:

Ký tên:

Giám thị 4:

Ký tên:

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2410100001	Nguyễn Đỗ Tuấn Anh	03/8/2003		1	3,0	Ba, không	C26QT1	
2	2410100015	Triệu Thị Huỳnh Anh	13/8/2006		1	2,0	Hai, không	C26QT1	
3	2410100018	Trần Ngọc Ánh	16/07/2006		1	4,0	Bốn, không	C26QT1	
4	2410100046	Võ Hoàng Bảo	29/11/2006		1	3,0	Ba, không	C26QT2	
5	2410120004	Đinh Lê Kim Chi	22/01/2006		1	7,0	Bảy, không	C26TC	
6	2410100021	Nguyễn Thị Kim Cương	09/04/2006		1	6,5	Sáu, năm	C26QT1	
7	2410100042	Trần Thị Mỹ Diệu	07/01/2006		1	4,0	Bốn, không	C26QT2	
8	2410110006	Cao Thị Ngọc Dung	29/01/2000			8,0	Tám, không	C26KT	
9	2410120025	Phạm Quỳnh Duy	21/01/2006		1	7,0	Bảy, không	C26TC	
10	2410100026	Lê Thanh Dương	22/12/2006		1	4,0	Bốn, không	C26QT1	
11	2410100004	Tạ Duy Đăng	16/10/2006		1	8,0	Tám, không	C26QT1	
12	2410150052	Lê Minh Đức	21/11/2006		1	5,0	Năm, không	C26QT2	
13	2410100045	Trần Thị Hồng Gấm	01/01/2006		1	2,0	Hai, không	C26QT2	
14	2410110032	Văn Đỗ Thuận Giang	21/08/2006		1	5,5	Năm, năm	C26KT	
15	2410110004	Bạch Văn Hai	22/12/1996		1	9,0	Chín, không	C26KT	
16	2410110001	Fa Ti Hách	16/08/2001		1	9,0	Chín, không	C26KT	
17	2410110016	Nguyễn Thị Ngọc Hạnh	09/08/2004		1	6,5	Sáu, năm	C26KT	
18	2410120020	Võ Thị Hồng Hạnh	27/07/2006		1	2,0	Hai, không	C26TC	
19	2410100019	Nguyễn Thị Thúy Hằng	28/02/2006		1	6,0	Sáu, không	C26QT1	
20	2410120016	Đỗ Thị Ngọc Hân	30/10/2006		1	3,5	Ba, năm	C26TC	
21	2410110019	Phan Thị Ngọc Hân	30/04/2006		1	7,5	Bảy, năm	C26KT	
22	2410100029	Lê Chí Hậu	05/11/2006		1	7,0	Bảy, không	C26QT1	
23	2410100017	Nguyễn Đức Hậu	31/01/2006		1	6,0	Sáu, không	C26QT1	
24	2410100036	Đặng Trung Hiếu	22/12/2006		1	8,0	Tám, không	C26QT2	
25	2410110025	Nguyễn Phụng Minh Hoàng	01/05/2006		1	4,0	Bốn, không	C26KT	
26	2410120023	Võ Thị Kim Hồng	01/08/2006		1	4,0	Bốn, không	C26TC	
27	2410100025	Nguyễn Quốc Huy	10/06/2006		1	2,0	Hai, không	C26QT1	
28	2410100041	Tạ Nhật Huy	11/12/2005		1	6,0	Sáu, không	C26QT2	
29	2410100031	Nguyễn Bùi Tiểu Huyền	11/12/2006		1	4,0	Bốn, không	C26QT1	
30	2410100012	Võ Thị Ngọc Huyền	11/12/2006		1	3,5	Ba, năm	C26QT1	
31	2410110030	Nguyễn Phan Xuân Hương	04/12/2006		1	5,0	Năm, không	C26KT	
32	2410100038	Chung Lê Quốc Hy	24/01/2006		1	1,5	Một, năm	C26QT2	
33	2410120028	Phan Văn Kha	23/12/2003		1	5,0	Năm, không	C26TC	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
34	2410120027	Nguyễn Khánh Linh	21/06/2006		1	2,5	Năm, năm	C26TC	
35	2410120008	Phan Ánh Linh	19/12/2006			6,0	Sách, không	C26TC	
36	2410100003	Võ Nguyễn Ngọc Linh	07/09/2005		1	5,0	Năm, không	C26QT1	
37	2410010014	Võ Phi Long	25/05/2005					C26KT	OK
38	2410110022	Trần Thảo Ly	23/08/2006		1	4,0	Bên, không	C26KT	
39	2410120007	Võ Trúc Ly	23/04/2006		1	4,5	Bên, năm	C26TC	
40	2410100028	Nguyễn Thị Kim Ngân	25/01/2006		1	7,5	Bên, năm	C26QT1	
41	2410120019	Nguyễn Ngọc Yến Nhi	12/02/2006		1	3,0	Bên, không	C26KT	
42	2410120012	Nguyễn Thị Yến Nhi	05/11/2006		1	6,0	Sách, không	C26TC	
43	2410120022	Nguyễn Thị Yến Nhi	16/05/2006		1	4,5	Bên, năm	C26TC	
44	2410100020	Phạm Thị Ái Nhi	03/08/2006		1	4,0	Bên, không	C26QT1	
45	2410100024	Phạm Kiều Nhung	06/09/2006		1	4,0	Bên, không	C26QT1	
46	2410100048	Trần Thị Hà Ny	13/12/2006		1	4,0	Bên, không	C26QT2	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 45 vắng thi: 1. Số bài thi/Số tờ: 45 / 45.

Số sinh viên đạt: 22 Tỷ lệ đạt: 47,8%

Ngày 19 tháng 7 năm 2026

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG C
PHÒNG
VÀ BẢO

Ngày 28 tháng 7 năm 2026

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Văn Long.

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ &
QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆPPHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO
VÀ BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 3 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Thuế - MH1104040

Mã lớp học phần: 25311MH110404001

Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Trần Văn Long

Ngày thi: 22/07/2026

Giờ thi: 15h15

Phòng thi: A1.8

Giám thị 1: Trần Văn Long

Ký tên: 

Giám thị 2: Nguyễn Văn Trinh

Ký tên: 

Giám thị 3: _____

Ký tên: _____

Giám thị 4: _____

Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2410110024	Đặng Minh Như	13/07/2006		1	3,0	Ba, không	C26KT	
2	2410110027	Nguyễn Võ Quỳnh Như	18/09/2006		1	2,0	Năm, không	C26KT	
3	2410110023	Nguyễn Võ Kiều Oanh	06/03/2006		1	1,0	Một, không	C26KT	
4	2410120026	Hà Lê Thành Phát	04/05/2004		1	4,0	Ba, không	C26TC	
5	2410100033	Nguyễn Thị Hồng Phúc	21/03/2006		1	4,5	Ba, năm	C26QT2	
6	2410120015	Trần Huỳnh Kim Quyên	24/12/2006		1	5,5	Năm, năm	C26KT	
7	2410120014	Nguyễn Minh Quyền	04/08/2006		1	7,5	Ba, năm	C26TC	
8	2410110014	Lê Thị Diễm Sương	21/05/2006		1	6,0	Sáu, không	C26KT	
9	2410110033	Nguyễn Thị Thanh Thảo	02/02/2006		1	7,5	Ba, năm	C26KT	
10	2410100008	Nguyễn Trần Ngọc Thi	23/06/2002		1	1,5	Một, năm	C26QT1	
11	2410100044	Nguyễn Thị Minh Thơ	18/05/2006		1	3,0	Ba, không	C26QT2	
12	2410100016	Lê Thị Ngọc Thu	23/03/2006		1	3,0	Ba, không	C26QT1	
13	2410110012	Nguyễn Thị Cẩm Thu	16/10/2006		1	6,0	Sáu, không	C26KT	
14	2410120013	Lê Minh Thuận	05/05/2006		1	9,0	Chín, không	C26TC	
15	2410120010	Trương Thanh Thùy	17/05/2006		1	8,0	Tám, không	C26TC	
16	2410110011	Nguyễn Thị Minh Thư	21/06/2006		1	6,0	Sáu, không	C26KT	
17	2410120024	Trần Hoàng Anh Thư	13/12/2006		1	3,5	Ba, năm	C26TC	
18	2410110018	Bùi Ngọc Thủy Tiên	28/10/2006		1	3,0	Ba, không	C26KT	
19	2410120003	Phùng Thị Thủy Tiên	23/07/2005		1	3,0	Ba, không	C26TC	
20	2410030016	Dương Minh Tiến	04/06/2006		1	3,5	Ba, năm	C26TC	
21	2410110020	Lê Đăng Tiến	23/02/2003		1	1,0	Một, không	C26KT	
22	2410110009	Huỳnh Thị Bích Trâm	11/06/2006		1	6,0	Sáu, không	C26KT	
23	2410120018	Nguyễn Huỳnh Trâm	16/09/2006		1	7,5	Ba, năm	C26TC	
24	2410110021	Trần Thị Ngọc Trâm	30/04/2004		1	3,0	Ba, không	C26KT	
25	2310100050	Quách Nguyễn Bảo Trân	18/08/2004		1	4,0	Bốn, không	C25QT2	
26	2410110015	Trần Lê Anh Triết	03/02/2006		1	3,0	Ba, không	C26KT	
27	2410120029	Đinh Hoàng Đoàn Trinh	06/10/2006		01	7,5	Ba, năm	C26TC	
28	2410120011	Huỳnh Thị Thúy Trinh	15/11/2006		1	7,0	Bảy, không	C26TC	
29	2410110003	Lê Duy Trinh	24/07/2005		01	8,0	Tám, không	C26KT	
30	2410120021	Huỳnh Thanh Trúc	27/08/2006		01	3,5	Ba, năm	C26TC	
31	2410110028	Nguyễn Thị Minh Trúc	04/01/2006		1	2,5	Hai, năm	C26KT	
32	2410100002	Phạm Trung Trục	04/07/2004		1	3,0	Ba, không	C26QT1	
33	2410110010	Lê Thị Bích Tuyền	28/03/2006		1	4,0	Bốn, không	C26KT	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
34	2410110008	Nguyễn Diệp Tú	Uyên	01/12/2006	Uyên	01	6,0	Sao, không	C26KT
35	2410110013	Võ Triều	Vi	06/10/2004	Vi	1	2,5	Hai, năm	C26KT
36	2410120005	Nguyễn Thị Thuý	Vy	30/5/2006	Vy	1	3,5	Ba, năm	C26TC
37	2410100010	Trần Thanh Trúc	Xuân	11/10/2002	Xuân	01	2,5	Hai, năm	C26QT1
38	2410120017	Nguyễn Thị Như	Ý	24/04/2006	Ý	1	0,0	không, không	C26TC

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 38 vắng thi: 00 Số bài thi/Số tờ: 38 / 38.

Số sinh viên đạt: 13 Tỷ lệ đạt: 34 %

Ngày 29 tháng 7 năm 2026

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)


Trần Đức Hòa

Ngày 29 tháng 7 năm 2026

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)


Trần Văn Long

TRƯỜNG
PHÒNG
VÀ BẮC

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO VÀ BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 3 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Thuế - MH1104040

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: 25311MH110404001 Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Trần Văn Long - (04085)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410110006	Cao Thị Ngọc	Dung	29/01/2000	C26KT		9,0	Chín, không	
2	2410110032	Văn Đỗ Thuận	Giang	21/08/2006	C26KT		6,0	Sáu, không	
3	2410110004	Bạch Văn	Hai	22/12/1996	C26KT		9,0	Chín, không	
4	2410110001	Fa Ti	Hách	16/08/2001	C26KT		8,5	Tám, năm	
5	2410110016	Nguyễn Thị Ngọc	Hạnh	09/08/2004	C26KT		8,0	Tám, không	
6	2410110019	Phan Thị Ngọc	Hân	30/04/2006	C26KT		9,0	Chín, không	
7	2410110025	Nguyễn Phụng Minh	Hoàng	01/05/2006	C26KT		6,0	Sáu, không	
8	2410110030	Nguyễn Phan Xuân	Hương	04/12/2006	C26KT		6,0	Sáu, không	
9	2410010014	Võ Phi	Long	25/05/2005	C26KT		7,0	Bảy, không	
10	2410110022	Trần Thảo	Ly	23/08/2006	C26KT		6,0	Sáu, không	
11	2410110005	Vũ Ngọc Thảo	My	22/06/2006	C26KT		0,5	Không, năm	
12	2410120019	Nguyễn Ngọc Yến	Nhi	12/02/2006	C26KT		5,5	Năm, năm	
13	2410110024	Đấy Minh	Như	13/07/2006	C26KT		7,0	Bảy, không	
14	2410110027	Nguyễn Võ Quỳnh	Như	18/09/2006	C26KT		6,0	Sáu, không	
15	2410110023	Nguyễn Võ Kiều	Oanh	06/03/2006	C26KT		5,5	Năm, năm	
16	2410120015	Trần Huỳnh Kim	Quỳnh	24/12/2006	C26KT		6,5	Sáu, năm	
17	2410110014	Lê Thị Diễm	Sương	21/05/2006	C26KT		8,5	Tám, năm	
18	2410110033	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	02/02/2006	C26KT		7,0	Bảy, không	
19	2410110012	Nguyễn Thị Cẩm	Thu	16/10/2006	C26KT		9,0	Chín, không	
20	2410110011	Nguyễn Thị Minh	Thư	21/06/2006	C26KT		8,5	Tám, năm	
21	2410110018	Bùi Ngọc Thủy	Tiên	28/10/2006	C26KT		6,0	Sáu, không	
22	2410110020	Lê Đăng	Tiến	23/02/2003	C26KT		5,0	Năm, không	
23	2410110009	Huỳnh Thị Bích	Trâm	11/06/2006	C26KT		8,5	Tám, năm	
24	2410110021	Trần Thị Ngọc	Trâm	30/04/2004	C26KT		7,0	Bảy, không	
25	2410110015	Trần Lê Anh	Triết	03/02/2006	C26KT		4,5	Bốn, năm	
26	2410110003	Lê Duy	Trình	24/07/2005	C26KT		8,0	Tám, không	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
27	2410110028	Nguyễn Thị Minh	Trúc	04/01/2006	C26KT	<i>Trúc</i>	5,0	<i>Không</i>	
28	2410110010	Lê Thị Bích	Tuyền	28/03/2006	C26KT	<i>Tuyền</i>	7,0	<i>Không</i>	
29	2410110008	Nguyễn Diệp Tú	Uyên	01/12/2006	C26KT	<i>Uyên</i>	5,0	<i>Không</i>	
30	2410110013	Võ Triều	Vi	06/10/2004	C26KT	<i>Vi</i>	6,0	<i>Không</i>	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 30 vắng thi: 00 . Số bài thi: 30 / 30 .

Ngày: 5...tháng...7...năm...2026

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hoa
Trần Thị Hoa

Ngày: 4...tháng...7...năm...2026

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Văn Long
Trần Văn Long



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 3 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Thuế - MH1104040

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: 25311MH110404001 Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Trần Văn Long - (04085)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410110006	Cao Thị Ngọc Dung	29/01/2000	C26KT		9,5	Chín, năm	
2	2410110032	Văn Đỗ Thuận Giang	21/08/2006	C26KT		8,0	Tám, không	
3	2410110004	Bạch Văn Hai	22/12/1996	C26KT		9,0	Chín, không	
4	2410110001	Fa Ti Hách	16/08/2001	C26KT		9,0	Chín, không	
5	2410110016	Nguyễn Thị Ngọc Hạnh	09/08/2004	C26KT		9,0	Chín, không	
6	2410110019	Phan Thị Ngọc Hân	30/04/2006	C26KT		9,0	Chín, không	
7	2410110025	Nguyễn Phụng Minh Hoàng	01/05/2006	C26KT		8,0	Tám, không	
8	2410110030	Nguyễn Phan Xuân Hương	04/12/2006	C26KT		8,0	Tám, không	
9	2410110014	Võ Phi Long	25/05/2005	C26KT		8,0	Tám, không	
10	2410110022	Trần Thảo Ly	23/08/2006	C26KT		8,0	Tám, không	
11	2410110005	Vũ Ngọc Thảo My	22/06/2006	C26KT		0,0	Không tính	
12	2410120049	Nguyễn Ngọc Yến Nhi	12/02/2006	C26KT		8,0	Tám, không	
13	2410110024	Đáy Minh Như	13/07/2006	C26KT		7,5	Bảy, năm	
14	2410110027	Nguyễn Võ Quỳnh Như	18/09/2006	C26KT		8,0	Tám, không	
15	2410110023	Nguyễn Võ Kiều Oanh	06/03/2006	C26KT		8,0	Tám, không	
16	2410120015	Trần Huỳnh Kim Quyên	24/12/2006	C26KT		9,0	Chín, không	
17	2410110014	Lê Thị Diễm Sương	21/05/2006	C26KT		9,0	Chín, không	
18	2410110033	Nguyễn Thị Thanh Thảo	02/02/2006	C26KT		8,0	Tám, không	
19	2410110012	Nguyễn Thị Cẩm Thu	16/10/2006	C26KT		9,0	Chín, không	
20	2410110011	Nguyễn Thị Minh Thư	21/06/2006	C26KT		9,0	Chín, không	
21	2410110018	Bùi Ngọc Thủy Tiên	28/10/2006	C26KT		8,0	Tám, không	
22	2410110020	Lê Đăng Tiến	23/02/2003	C26KT		7,0	Sáu, không	
23	2410110009	Huỳnh Thị Bích Trâm	11/06/2006	C26KT		8,0	Tám, không	
24	2410110021	Trần Thị Ngọc Trâm	30/04/2004	C26KT		9,0	Chín, không	
25	2410110015	Trần Lê Anh Triết	03/02/2006	C26KT		8,0	Tám, không	
26	2410110003	Lê Duy Trinh	24/07/2005	C26KT		9,0	Chín, không	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
27	2410110028	Nguyễn Thị Minh	Trúc	04/01/2006	C26KT	<i>Truc</i>	8,0	<i>Tram, không</i>	
28	2410110010	Lê Thị Bích	Tuyền	28/03/2006	C26KT	<i>Tuyen</i>	9,0	<i>Chin, không</i>	
29	2410110008	Nguyễn Diệp Tú	Uyên	01/12/2006	C26KT	<i>Uyen</i>	8,0	<i>Tram, không</i>	
30	2410110013	Võ Triều	Vi	06/10/2004	C26KT	<i>Vi</i>	8,0	<i>Tram, không</i>	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 30 vắng thi: 00 . Số bài thi: 30 / 30 .

Ngày: 25 tháng 6 năm 2026.

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Tram

Trần Thị Hoa

Ngày: 24 tháng 6 năm 2026

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Tram
Trần Văn Long

TRƯỜNG
PHÒNG
VÀ BẢO

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 3 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Thuế - MH1104040

Mã lớp học phần: 25311MH110404001 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Trần Văn Long - (04085)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2310100050	Quách Nguyễn Bảo Trân	18/08/2004	C25QT2		8,0	Trần Văn Long	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 01 vắng thi: 00 . Số bài thi: 01 / 01 .

Ngày: 11 tháng 6 năm 2026.

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Văn Long

Ngày: 24 tháng 6 năm 2026

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Văn Long

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO
VÀ BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 3 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Thuế - MH1104040

Mã lớp học phần: 25311MH110404001 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Trần Văn Long - (04085)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2310100050	Quách Nguyễn Bảo Trân	18/08/2004	C25QT2		9,5	Tam, năm	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 01 vắng thi: 00 . Số bài thi: 01 / 01 .

Ngày: 15 tháng 6 năm 2026 .

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN
(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Phú Hòa

Ngày: 24 tháng 6 năm 2026 .

GIẢNG VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Văn Long

QUẢN TRỊ ĐOANH NGHIỆP
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ VÀ QTDN

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO
VÀ BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 3 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Thuế - MH1104040

Mã lớp học phần: 25311MH110404001

Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Trần Văn Long - (04085)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410100001	Nguyễn Đỗ Tuấn Anh	03/8/2003	C26QT1		5,5	Năm, Năm	
2	2410100015	Triệu Thị Huỳnh Anh	13/8/2006	C26QT1		6,0	Sau, không	
3	2410100018	Trần Ngọc Ánh	16/07/2006	C26QT1		7,0	Bây, không	
4	2410100021	Nguyễn Thị Kim Cương	09/04/2006	C26QT1		6,0	Sau, không	
5	2410100026	Lê Thanh Dương	22/12/2006	C26QT1		5,5	Năm, năm	
6	2410100004	Tạ Duy Đăng	16/10/2006	C26QT1		5,5	Năm, năm	
7	2410100019	Nguyễn Thị Thúy Hằng	28/02/2006	C26QT1		5,5	Năm, năm	
8	2410100029	Lê Chí Hậu	05/11/2006	C26QT1		7,0	Bây, không	
9	2410100017	Nguyễn Đức Hậu	31/01/2006	C26QT1		6,0	Sau, không	
10	2410100025	Nguyễn Quốc Huy	10/06/2006	C26QT1		7,0	Bây, không	
11	2410100031	Nguyễn Bùi Tiểu Huyền	11/12/2006	C26QT1		5,0	Năm, không	
12	2410100012	Võ Thị Ngọc Huyền	11/12/2006	C26QT1		5,5	Năm, năm	
13	2410100003	Võ Nguyễn Ngọc Linh	07/09/2005	C26QT1		6,0	Sau, không	
14	2410100028	Nguyễn Thị Kim Ngân	25/01/2006	C26QT1		7,0	Bây, không	
15	2410100032	Lý Minh Nguyên	04/06/2006	C26QT1		7,0	Bây, không	
16	2410100020	Phạm Thị Ái Nhi	03/08/2006	C26QT1		4,5	Bây, năm	
17	2410100024	Phạm Kiều Nhung	06/09/2006	C26QT1		6,0	Sau, không	
18	2410100008	Nguyễn Trần Ngọc Thi	23/06/2002	C26QT1		4,5	Bây, năm	
19	2410100016	Lê Thị Ngọc Thu	23/03/2006	C26QT1		6,0	Sau, không	
20	2410100002	Phạm Trung Trực	04/07/2004	C26QT1		6,5	Sau, năm	
21	2410100010	Trần Thanh Trúc Xuân	11/10/2002	C26QT1		5,5	Năm, năm	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 21 vắng thi: 00 . Số bài thi: 21 / 21 .

Ngày: 5 tháng 7 năm 2026.

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hoa.

Ngày: 4 tháng 7 năm 2026

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Văn Long.

Môn học : Thuế - MH1104040

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: 25311MH110404001 Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Trần Văn Long - (04085)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410100001	Nguyễn Đỗ Tuấn Anh	03/8/2003	C26QT1		7,5	Bài, năm	
2	2410100015	Triệu Thị Huỳnh Anh	13/8/2006	C26QT1		8,0	Tam, không	
3	2410100018	Trần Ngọc Ánh	16/07/2006	C26QT1		8,5	Tam, năm	
4	2410100021	Nguyễn Thị Kim Cương	09/04/2006	C26QT1		8,5	Tam, năm	
5	2410100026	Lê Thanh Dương	22/12/2006	C26QT1		7,5	Bài, năm	
6	2410100004	Tạ Duy Đăng	16/10/2006	C26QT1		7,5	Bài, năm	
7	2410100019	Nguyễn Thị Thúy Hằng	28/02/2006	C26QT1		8,0	Tam, không	
8	2410100029	Lê Chí Hậu	05/11/2006	C26QT1		6,5	Sau, năm	
9	2410100017	Nguyễn Đức Hậu	31/01/2006	C26QT1		7,5	Bài, năm	
10	2410100025	Nguyễn Quốc Huy	10/06/2006	C26QT1		7,5	Bài, năm	
11	2410100031	Nguyễn Bùi Tiểu Huyền	11/12/2006	C26QT1		6,0	Sau, không	
12	2410100012	Võ Thị Ngọc Huyền	11/12/2006	C26QT1		7,0	Bài, không	
13	2410100003	Võ Nguyễn Ngọc Linh	07/09/2005	C26QT1		8,5	Tam, năm	
14	2410100028	Nguyễn Thị Kim Ngân	25/01/2006	C26QT1		8,5	Tam, năm	
15	2410100032	Lý Minh Nguyên	04/06/2006	C26QT1		7,5	Bài, năm	
16	2410100020	Phạm Thị Ái Nhi	03/08/2006	C26QT1		7,0	Bài, không	
17	2410100024	Phạm Kiều Nhung	06/09/2006	C26QT1		8,0	Tam, không	
18	2410100008	Nguyễn Trần Ngọc Thi	23/06/2002	C26QT1		6,0	Sau, không	
19	2410100016	Lê Thị Ngọc Thu	23/03/2006	C26QT1		8,0	Tam, không	
20	2410100002	Phạm Trung Trực	04/07/2004	C26QT1		7,0	Bài, không	
21	2410100010	Trần Thanh Trúc Xuân	11/10/2002	C26QT1		7,0	Bài, không	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 21 vắng thi: 00 . Số bài thi: 21 / 21 .

Ngày: 15 tháng 6 năm 2026.

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày: 24 tháng 6 năm 2026

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP
TRƯỜNG CĐBC CÔNG NGHỆ VÀ QTDN
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO VÀ BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 3 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Thuế - MH1104040

Mã lớp học phần: 25311MH110404001

Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Trần Văn Long - (04085)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410100046	Võ Hoàng Bảo	29/11/2006	C26QT2	Bao	6,0	Sau, không	
2	2410100042	Trần Thị Mỹ Diệu	07/01/2006	C26QT2	De	5,0	Năm, không	
3	2410100035	Nguyễn Thị Thùy Dương	16/02/2006	C26QT2	Nguyet	5,5	Năm, Năm	
4	2410150052	Lê Minh Đức	21/11/2006	C26QT2	De	5,0	Năm, không	
5	2410100045	Trần Thị Hồng Gấm	01/01/2006	C26QT2	G	5,0	Năm, không	
6	2410100036	Đặng Trung Hiếu	22/12/2006	C26QT2	Hieu	5,0	Năm, không	
7	2410100041	Tạ Nhật Huy	11/12/2005	C26QT2	Huy	4,5	Bên, năm	
8	2410100038	Chung Lê Quốc Hy	24/01/2006	C26QT2	Hy	5,0	Năm, không	
9	2410100048	Trần Thị Hà Ny	13/12/2006	C26QT2	Ny	7,0	Bên, không	
10	2410100033	Nguyễn Thị Hồng Phúc	21/03/2006	C26QT2	phuc	6,0	Sau, không	
11	2410100040	Nguyễn Thị Ngọc Phượng	20/04/2006	C26QT2	Phung	5,0	Năm, không	
12	2410100044	Nguyễn Thị Minh Thơ	18/05/2006	C26QT2	Th	4,5	Bên, năm	
13	2410100049	Lê Phước Trung	17/10/2002	C26QT2				u

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 13 vắng thi: 01 . Số bài thi: 12 / 12 .

Ngày 5 tháng 7 năm 2026.

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hoa

Ngày 4 tháng 7 năm 2026

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Văn Long



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 3 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Thuế - MH1104040

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: 25311MH110404001 Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Trần Văn Long - (04085)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410100046	Võ Hoàng Bảo	29/11/2006	C26QT2	Bao	8,5	Tạm, năm	
2	2410100042	Trần Thị Mỹ Diệu	07/01/2006	C26QT2	Du	6,0	Sau, không	
3	2410100035	Nguyễn Thị Thùy Dương	16/02/2006	C26QT2	Nguy	9,5	Chín, năm	
4	2410150052	Lê Minh Đức	21/11/2006	C26QT2	Le	6,0	Sau, không	
5	2410100045	Trần Thị Hồng Gấm	01/01/2006	C26QT2	Tran	6,0	Sau, không	
6	2410100036	Đặng Trung Hiếu	22/12/2006	C26QT2	Hien	7,0	Bảy, không	
7	2410100041	Tạ Nhật Huy	11/12/2005	C26QT2	Ta	7,0	Bảy, không	
8	2410100038	Chung Lê Quốc Hy	24/01/2006	C26QT2	Ch	6,0	Sau, không	
9	2410100048	Trần Thị Hà Ny	13/12/2006	C26QT2	Ny	6,0	Sau, không	
10	2410100033	Nguyễn Thị Hồng Phúc	21/03/2006	C26QT2	phuc	8,0	Tám, không	
11	2410100040	Nguyễn Thị Ngọc Phượng	20/04/2006	C26QT2	phung	5,0	Năm, không	
12	2410100044	Nguyễn Thị Minh Thơ	18/05/2006	C26QT2	Th	6,0	Sau, không	
13	2410100049	Lê Phước Trung	17/10/2002	C26QT2				

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 13 vắng thi: 01. Số bài thi: 12 / 12.

Ngày: 24 tháng 6 năm 2026

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị H.

Ngày: 24 tháng 6 năm 2026

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Văn Long.

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BỒI DƯỠNG CÔNG NGHỆ &
QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP
**PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO
VÀ BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG**

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 3 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Thuế - MH1104040

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: 25311MH110404001 Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Trần Văn Long - (04085)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Chi	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410120004	Đinh Lê Kim	Chi	22/01/2006	C26TC	1Ch	7,0	Đạt, không	
2	2410120025	Phạm Quỳnh	Duy	21/01/2006	C26TC	D	7,0	Đạt, không	
3	2410120020	Võ Thị Hồng	Hạnh	27/07/2006	C26TC	Hanh	6,0	Sau, không	
4	2410120016	Đỗ Thị Ngọc	Hân	30/10/2006	C26TC	Han	5,5	Năm, năm	
5	2410120023	Võ Thị Kim	Hồng	01/08/2006	C26TC	Hong	5,0	Alam, không	
6	2410120028	Phan Văn	Kha	23/12/2003	C26TC	Kha	7,5	Đạt, năm	
7	2410120027	Nguyễn Khánh	Linh	21/06/2006	C26TC	Khánh	7,0	Đạt, không	
8	2410120008	Phạm Anh	Linh	19/12/2006	C26TC	Anh	6,0	Sau, không	
9	2410120007	Võ Trúc	Ly	23/04/2006	C26TC	Truc	7,0	Đạt, không	
10	2410120012	Nguyễn Thị Yến	Nhi	05/11/2006	C26TC	Nhi	6,0	Sau, không	
11	2410120022	Nguyễn Thị Yến	Nhi	16/05/2006	C26TC	Nhi	5,0	Năm, không	
12	2410120026	Hà Lê Thành	Phát	04/05/2004	C26TC	Phat	7,0	Đạt, không	
13	2410120014	Nguyễn Minh	Quyên	04/08/2006	C26TC	Quyên	6,0	Sau, không	
14	2410120013	Lê Minh	Thuận	05/05/2006	C26TC	Thuan	7,0	Đạt, không	
15	2410120010	Trương Thanh	Thùy	17/05/2006	C26TC	Thuy	5,0	Alam, không	
16	2410120024	Trần Hoàng Anh	Thư	13/12/2006	C26TC	Thư	6,5	Sau, năm	
17	2410120003	Phùng Thị Thủy	Tiên	23/07/2005	C26TC	Thuy	7,0	Đạt, không	
18	2410030016	Dương Minh	Tiến	04/06/2006	C26TC	Minh	6,0	Sau, không	
19	2410120018	Nguyễn Huỳnh	Trâm	16/09/2006	C26TC	Huỳnh	8,0	Đạt, không	
20	2410120029	Đinh Hoàng Đoan	Trình	06/10/2006	C26TC	Doan	8,0	Đạt, không	
21	2410120011	Huỳnh Thị Thúy	Trình	15/11/2006	C26TC	Thuy	6,0	Sau, không	
22	2410120021	Huỳnh Thanh	Trúc	27/08/2006	C26TC	Thanh	6,0	Sau, không	
23	2410120005	Nguyễn Thị Thuý	Vy	30/5/2006	C26TC	Vy	6,0	Sau, không	
24	2410120017	Nguyễn Thị Như	Ý	24/04/2006	C26TC	Như	6,0	Sau, không	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 24 vắng thi: 00 . Số bài thi: 2A / 2A .

Ngày...5...tháng...7...năm...2026

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

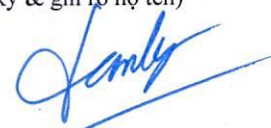
(ký & ghi rõ họ tên)


Trần Thị Hòa.

Ngày...4...tháng...7...năm...2026

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)


Trần Văn Long.



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 3 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Thuế - MH1104040

Mã lớp học phần: 25311MH110404001 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Trần Văn Long - (04085)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410120004	Đinh Lê Kim	Chi	22/01/2006	C26TC	ICb	8,5	Tạm, năm	
2	2410120025	Phạm Quỳnh	Duy	21/01/2006	C26TC	D	8,5	Tạm, năm	
3	2410120020	Võ Thị Hồng	Hạnh	27/07/2006	C26TC	Haut	6,5	Sau, năm	
4	2410120016	Đỗ Thị Ngọc	Hân	30/10/2006	C26TC	Hân	6,5	Sau, năm	
5	2410120023	Võ Thị Kim	Hồng	01/08/2006	C26TC	Ho	6,5	Sau, năm	
6	2410120028	Phan Văn	Kha	23/12/2003	C26TC	Kha	8,0	Tạm, không	
7	2410120027	Nguyễn Khánh	Linh	21/06/2006	C26TC	Kh	6,0	Sau, không	
8	2410120008	Phan Ánh	Linh	19/12/2006	C26TC	ph	6,5	Sau, năm	
9	2410120007	Võ Trúc	Ly	23/04/2006	C26TC	Tr	8,0	Tạm, không	
10	2410120012	Nguyễn Thị Yến	Nhi	05/11/2006	C26TC	Nh	8,0	Tạm, không	
11	2410120022	Nguyễn Thị Yến	Nhi	16/05/2006	C26TC	Nh	6,5	Sau, năm	
12	2410120026	Hà Lê Thành	Phát	04/05/2004	C26TC	Phat	7,5	Đầy, năm	
13	2410120014	Nguyễn Minh	Quyên	04/08/2006	C26TC	Quy	8,5	Tạm, năm	
14	2410120013	Lê Minh	Thuận	05/05/2006	C26TC	Thu	8,5	Tạm, năm	
15	2410120010	Trương Thanh	Thùy	17/05/2006	C26TC	Thuy	6,5	Sau, năm	
16	2410120024	Trần Hoàng Anh	Thư	13/12/2006	C26TC	Th	6,5	Sau, năm	
17	2410120003	Phùng Thị Thủy	Tiên	23/07/2005	C26TC	Th	6,0	Sau, không	
18	2410030016	Dương Minh	Tiến	04/06/2006	C26TC	Tam	8,0	Tạm, không	
19	2410120018	Nguyễn Huỳnh	Trâm	16/09/2006	C26TC	Tr	8,0	Tạm, không	
20	2410120029	Đinh Hoàng Đoan	Trình	06/10/2006	C26TC	Tr	6,5	Sau, năm	
21	2410120011	Huỳnh Thị Thúy	Trình	15/11/2006	C26TC	Tr	8,5	Tạm, năm	
22	2410120021	Huỳnh Thanh	Trúc	27/08/2006	C26TC	Tr	6,5	Sau, năm	
23	2410120005	Nguyễn Thị Thuý	Vy	30/5/2006	C26TC	Vy	8,0	Tạm, không	
24	2410120017	Nguyễn Thị Như	Ý	24/04/2006	C26TC	Y	6,5	Sau, năm	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 24 vắng thi: 00 . Số bài thi: 24 / 24 .

Ngày 25 tháng 6 năm 2026,

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hòa.

Ngày 24 tháng 6 năm 2026

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Văn Long.

